

Bản án số: 217/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 01-12-2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thiện;
2. Ông Lê Văn Công.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Tường Vy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16-Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16-Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 16-Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 461/2025/TLST-HNGĐ ngày 14/10/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 198/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/10/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 118/2025-QĐST-HNGĐ ngày 13/11/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn D, sinh năm: 1983; thường trú: 140/4c, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc S, sinh năm: 1984; thường trú: 140/4c, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Tấn D trình bày:

Ông Nguyễn Tấn D và bà Nguyễn Thị Ngọc S tự nguyện tìm hiểu nhau sau đó tiến đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo giấy chứng nhận kết hôn số 104, quyền số 01/2005, cấp ngày 17/01/2006. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung trong gia đình, vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn gia đình nhưng không thành. Nay ông D nhận thấy không thể hàn gắn gia đình vì tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông D yêu cầu ly hôn với bà S. Hiện nay vợ chồng sống chung nhà nhưng ở phòng riêng, mỗi người có cuộc sống riêng không còn quan tâm cuộc sống của nhau nữa.

Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung tên là Nguyễn Tấn T, sinh ngày: 24/9/2006 và Nguyễn Tấn Gia Đ, sinh ngày: 06/3/2015. Sau khi ly hôn tôi đồng ý giao con chung Nguyễn Tấn Gia Đ, sinh ngày 06/03/2015 sẽ do bà Nguyễn Thị Ngọc S là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi trưởng thành. Đối với con chung tên Nguyễn Tấn T, sinh ngày 24/09/2006 đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng: Đối với con chung Nguyễn Tấn Gia Đ, sinh ngày: 06/3/2015 ông D đồng ý cấp dưỡng số tiền là 3.000.000 đồng mỗi tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bao gồm: Tài liệu, chứng cứ về nhân thân, nơi cư trú, Giấy trích lục kết hôn, giấy khai sinh con.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc S vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải không thành ngày 27/10/2025 bà S trình bày ý kiến như sau:

Thông nhất với ý kiến trình bày của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, điều kiện kết hôn, về thời gian chung sống, thời gian sống ly thân, về con chung.

Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Do ông D đi ra bên ngoài sống chung với người phụ nữ khác, nhiều lần bà S tha thứ tạo cơ hội cho gia đình đoàn tụ hàn gắn gia đình vì con cái. Tuy nhiên, sau một thời gian ông D bỏ ra đi sau đó ông hối hận quay về xin tha thứ bà S chấp nhận để ông D quay về được một thời gian lại bỏ đi. Lý do bà S cố gắng gìn giữ gia đình cũng vì con cái muốn có đầy đủ cha mẹ. Hiện nay vợ chồng còn sống chung trong một căn nhà, tuy nhiên ông D ở phòng riêng, mỗi người có cuộc sống riêng sinh hoạt riêng, ăn uống riêng. Do đó bà S không đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung tên là Nguyễn Tấn T, sinh ngày: 24/9/2006 và Nguyễn Tấn Gia Đ, sinh ngày: 06/3/2015. Nếu Tòa án cho tôi ly hôn thì về con chung tên Nguyễn Tấn T, sinh ngày: 24/9/2006 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung Nguyễn Tấn Gia Đ, sinh ngày: 06/3/2015 tôi yêu cầu được nuôi dưỡng và cấp dưỡng số tiền là 3.000.000 đồng mỗi tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Nguyễn Tấn D và bà Nguyễn Thị Ngọc S là trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bà Nguyễn Thị Ngọc S và bị đơn có thường trú tại: Số A, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16-Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử xem như bị đơn từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tấn D và bà Nguyễn Thị Ngọc S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo giấy chứng nhận kết hôn số 104, quyền số 01/2005, cấp ngày 17/01/2006, như vậy hôn nhân của ông Nguyễn Tấn D và bà Nguyễn Thị Ngọc S là hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Ông Nguyễn Tấn D xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Bà S cho rằng ông D có người phụ nữ khác bên ngoài, bỏ nhà đi và nhiều lần bà S tha thứ cho ông D quay về với gia đình nhưng ông D không thay đổi và lý do không ly hôn vì muốn con có đầy đủ cha mẹ. Cả hai thống nhất mặc dù vợ chồng còn sống chung nhà nhưng hiện nay đã ở phòng riêng, mỗi người có cuộc sống riêng không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Do đó có cơ sở xác định giữa ông Nguyễn Tấn D và bà Nguyễn Thị Ngọc S có xảy ra mâu thuẫn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp. Tuy nhiên, quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Tấn D và bà Nguyễn Thị Ngọc S không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc, không còn quan tâm chăm sóc nhau, ông Nguyễn Tấn D xác định không còn tình cảm vợ chồng với bà Nguyễn Thị Ngọc S, hiện nay mỗi người đã có cuộc sống riêng không còn quan tâm nhau. Hội đồng xét xử có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa ông Nguyễn Tấn D và bà Nguyễn Thị Ngọc S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Tấn D.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung tên là Nguyễn Tấn T, sinh ngày: 24/9/2006 và Nguyễn Tấn Gia Đ, sinh ngày: 06/3/2015.

Đối với con chung tên Nguyễn Tấn T, sinh ngày: 24/9/2006 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông D đồng ý giao con chung Nguyễn Tấn Gia Đ cho bà S được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà S đồng ý nuôi con và cháu Đ cũng có nguyện vọng muốn sống chung với mẹ. Do đó Hội đồng xét xử giao con chung Nguyễn Tấn Gia

Đ, sinh ngày: 06/3/2015 cho bà Nguyễn Thị Ngọc S được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Ông Nguyễn Tấn D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Tấn D và bà Nguyễn Thị Ngọc S không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Tấn D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 269, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn D đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc S về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tấn D được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc S.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Tấn Gia Đ, sinh ngày: 06/3/2015 cho bà Nguyễn Thị Ngọc S được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: Ông D cấp dưỡng nuôi con số tiền là 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Tấn D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0024831 ngày 09/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16 Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 16 Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh (theo GCNKH số 104, quyền số 01/2005, cấp ngày 17/01/2006);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Hạnh